



**PHƯƠNG THỨC TIẾP NHẬN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY TRONG DUY TÂN MINH TRỊ NHẬT BẢN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM THAY ĐỔI TÌNH TRẠNG VĂN HÓA - GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngô Thị Bích Lan

*Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh*

**Thông tin chung:**

Ngày nhận: 28/01/2016

Ngày chấp nhận: 25/07/2016

**Title:**

*The Western civilization adoption way of Japan in Meiji Restoration and some suggesstions on the development process of culture and education in Vietnam*

**Từ khóa:**

*Duy Tân Minh Trị, văn hóa Nhật Bản, văn hóa Việt Nam, giáo dục Việt Nam, tiếp nhận văn minh phương Tây*

**Keywords:**

*Meiji Restoration, Japanese culture, Vietnamese culture, Vietnam's education, Western civilization reception*

**ABSTRACT**

*In 1868, Emperor Meiji came to the throne, and began the work of reforming the country by receiving Western civilization on the basis of Japanese traditional culture and society. Fukuzawa wrote: "To protect the independence of Japan, there is no choice but to move a civilized way. The only reason to Japanese toward civilization is protecting the country's independence". The success of Meiji Restoration helped Japanese not only to keep their independence but also to become the Asia's major powers. Today, Vietnam's culture and education have faced many challenges in receiving foreign cultures. In this paper, the writer would analyze the methods of receiving Western civilization in Meiji Restoration and give some suggestions on the development process of culture and education in Vietnam in the future.*

**TÓM TẮT**

*Năm 1868, Thiên hoàng Minh Trị lên ngôi, bắt đầu công cuộc canh tân đất nước bằng phương thức tiếp nhận văn minh phương Tây trên cơ sở nền văn hóa-xã hội truyền thống Nhật Bản. Fukuzawa Yukichi viết: "Để bảo vệ độc lập dân tộc của Nhật Bản, không còn cách nào ngoài con đường tiến đến văn minh. Lý do duy nhất để người dân Nhật tiến đến văn minh là để bảo vệ độc lập quốc gia". Thành công của công cuộc Duy Tân Minh Trị ở Nhật Bản thời cận đại không chỉ giúp Nhật Bản giữ được độc lập mà còn trở thành cường quốc hàng đầu châu Á. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, văn hóa – giáo dục Việt Nam đang đứng trước nhiều thử thách trong việc lựa chọn và tiếp thu văn hóa, văn minh từ bên ngoài. Trên cơ sở phân tích phương thức tiếp nhận văn minh phương Tây của Nhật Bản trong Duy Tân Minh Trị, tác giả phân tích những giá trị, bài học và đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện tình trạng văn hóa-giáo dục ở Việt Nam hiện nay.*

Trích dẫn: Ngô Thị Bích Lan, 2016. Phương thức tiếp nhận văn minh phương Tây trong Duy Tân Minh Trị Nhật Bản và những giải pháp nhằm thay đổi tình trạng văn hóa - giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44c: 23-29.

**1 ĐẶT VẤN ĐỀ**

Ngày nay, Nhật Bản được vinh danh như một dân tộc hàng đầu châu Á với sự phát triển vượt bậc về kinh tế, xã hội, con người. Không chỉ có nền

kinh tế cạnh tranh ở vị trí nhất nhì thế giới, Nhật Bản còn khiến thế giới nghiêng mình trước những hành động đẹp về văn hóa, ứng xử. Để có được sự phát triển như ngày hôm nay, Nhật Bản đã trải qua

những bước đệm rất dài từ nhiều giai đoạn khác trong quá trình lịch sử. Có thể nói, sự hưng khởi của văn minh Nhật Bản hiện đại được đặt nền móng ban đầu từ công cuộc Duy Tân Minh Trị thời cận đại (1868).

Trong quá trình hội nhập và phát triển văn hóa – giáo dục của Việt Nam hiện nay, người Việt nói chung và thế hệ trẻ nói riêng đang đứng trước những khó khăn và thử thách nhất định trong việc lựa chọn và tiếp nhận những luồng văn hóa từ bên ngoài đồng thời phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Việc tìm hiểu phương thức tiếp nhận văn minh thời Duy tân Minh Trị Nhật Bản có thể đúc kết những bài học giá trị về phương thức tiếp nhận văn minh, văn hóa cho xã hội và giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

## 2 NỘI DUNG

### 2.1 Phương thức tiếp nhận văn minh của người Nhật qua công cuộc Duy tân Minh Trị (1868)

Đầu thời kỳ cận đại, các nước châu Á đứng trước nguy cơ bị xâm lược bởi thực dân phương Tây. Mỗi quốc gia chọn riêng một phương thức để ứng phó với nguy cơ bị xâm lược và đô hộ. Trong số các nước châu Á, duy nhất chỉ có Nhật Bản thành công trên con đường lựa chọn phương thức gìn giữ độc lập dân tộc và phát triển đất nước trở thành cường quốc. Con đường mà Nhật Bản đã lựa chọn để chấn hưng dân tộc và phát triển đất nước là tiếp nhận văn minh phương Tây. Fukuzawa Yukichi viết: “*Để bảo vệ độc lập dân tộc của Nhật Bản, không còn cách nào ngoài con đường tiến đến văn minh. Lý do duy nhất để người dân Nhật tiến đến văn minh là để bảo vệ độc lập quốc gia*” (Vinh Sinh, 2014).

Trong bối cảnh rối ren cuối triều đại Mạc phủ Tokugawa, cũng như nhiều quốc gia phong kiến phương Đông, chế độ phong kiến Nhật Bản trên đà suy yếu, khủng hoảng trầm trọng. Nhận thức được nguy cơ đất nước có thể bị chi phối, kiểm soát và lệ thuộc vào thực dân phương Tây, Tokugawa Yoshinobu<sup>1</sup> đã lựa chọn trao trả quyền lực cho Thiên hoàng, đặt quyền lợi dân tộc lên trên lợi ích dòng họ. Sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị đã tiến hành công cuộc duy tân, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, phát triển giàu mạnh.

Có thể thấy, sợi chỉ đỏ xuyên suốt công cuộc canh tân đất nước của chính quyền Minh Trị là tiếp thu, học tập và ứng dụng những thành tựu văn minh phương Tây trên nền tảng văn hóa – xã hội Nhật Bản.

Về mặt văn hóa, thời kỳ cổ trung đại Nhật Bản từng được xem là “con đẻ” của nền văn minh Trung Hoa. Từng có quan điểm cho rằng: “*người Nhật chẳng là gì khác hơn là một chủng tộc những người chỉ biết đi vay mượn và bắt chước*” (Edwin O. Reischauer, 1994). Tuy nhiên, với vị trí biệt lập so với nền văn minh gốc (Trung Hoa), dân tộc Nhật Bản có khả năng phát triển theo nhiều hướng độc đáo và chuyển thể những ảnh hưởng văn minh Trung Hoa thành mô hình văn minh riêng biệt. Theo Reischauer: “*Mặc dù sự biệt lập về mặt địa dư đã khiến họ rất ý thức về sự vay mượn từ bên ngoài này, nhưng sự biệt lập ấy cũng đã dẫn họ tới sự phát triển được một trong những nền văn hóa có những nét đặc biệt nhất có thể gặp thấy ở bất kỳ khu vực văn minh nào có kích thước tương tự*” (Edwin O. Reischauer, 1994). Thực tế chứng minh, văn hóa Nhật Bản thời kỳ cổ trung đại là một nền văn hóa độc đáo, riêng biệt chứ không phải là một sự bắt chước đơn thuần từ văn minh Trung Hoa.

Đầu thời cận đại, chính quyền Nhật Bản thực hiện công cuộc duy tân. Một lần nữa, Nhật Bản lại tiến hành “*vay mượn và bắt chước*” để tạo nên một nền văn minh cận đại mang giá trị lịch sử sâu sắc đối với Nhật Bản nói riêng và tầm ảnh hưởng ở khu vực châu Á nói chung. Những thành tựu mà Nhật Bản đạt được sau công cuộc duy tân chứng minh rằng người Nhật biết cách chọn lựa và thành công trong việc tiếp thu văn minh bên ngoài để làm giàu văn hóa dân tộc và đưa đất nước đến văn minh.

Tại thời điểm chính phủ Minh Trị được thành lập, về phương diện khoa học kỹ thuật, Nhật Bản đi chậm hơn các nước phương Tây khoảng 200 năm. Từ thế kỷ XVI, các quốc gia phương Tây đã bước vào giai đoạn cận đại với hàng loạt các cuộc cách mạng tư sản thành công, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản phương Tây trong các thế kỷ XVII-XVIII đã đưa các nước phương Tây chiếm giữ vị trí hàng đầu thế giới về khoa học kỹ thuật. So với các nước phương Đông (châu Á) lúc bấy giờ, các quốc gia phương Tây vượt trội hơn một bậc. Khi các điều ước bất bình đẳng được chính quyền Tokugawa ký với Tây phương, kinh tế - chính trị Nhật Bản bị đe dọa nghiêm trọng trước sức ép mạnh mẽ từ các quốc gia này. Không như

<sup>1</sup>Hay còn gọi là Tokugawa Keiki (1837-1913), tướng quân cuối cùng của Mạc phủ Tokugawa, Nhật Bản.

hiều quốc gia châu Á khác tìm cách nhượng bộ, thương lượng với các nước phương Tây nhằm đổi lấy hòa bình, chính quyền Nhật Bản ý thức được rằng cần phải canh tân đất nước, phải phát triển đất nước ngang bằng họ để đổi lấy sự bình đẳng trong giao thương. Chính quyền Minh Trị đề ra hai mục tiêu cơ bản của công cuộc duy tân: (1) độc lập quốc gia; (2) từng bước tiến lên bình đẳng với các nước Tây phương. Với phương châm *fukoku kyohei* (phù quốc cường binh), người Nhật thấy rằng đối với họ, cách thức giữ gìn độc lập hữu hiệu nhất là tiếp thu văn minh phương Tây, làm cho dân giàu nước mạnh.

Trong lịch sử, sự biệt lập về vị trí địa lý đã khiến người Nhật trở thành một dân tộc có ý thức cao về tính cách cá nhân và tính cách dân tộc. Với người Nhật, tất cả các dân khác đều là ngoại quốc. Sự biệt lập tạo cho người Nhật sự mặc cảm và khó khăn trong việc hiểu và tiếp thu những yếu tố văn hóa từ dân tộc khác. Cuối triều đại phong kiến, Mạc phủ Tokugawa cũng từng thực hiện chính sách “tòa quốc”, thu mình lại với thế giới bên ngoài trước nguy cơ bị xâm lược. Đầu thời cận đại, những người chống chính quyền Bakufu từng đưa ra chủ trương bài trừ ngoại quốc. Tuy nhiên, sau khi trở thành người lãnh đạo của chính quyền Minh Trị, chính họ đã đi đầu trong phong trào tiếp thu văn minh, khoa học kỹ thuật Tây phương. Có thể thấy, tính cách dân tộc của người Nhật vừa thể hiện ở sự biệt lập, riêng biệt đồng thời vừa thể hiện sự sẵn sàng tiếp thu, tiếp nhận cái mới. Khi dân tộc đứng trước yêu cầu thay đổi, phát triển, người Nhật “mở lòng” tiếp thu các yếu tố văn hóa, văn minh bên ngoài để đáp ứng nhu cầu phát triển. Đó chính là tinh thần dân tộc mạnh mẽ, sâu sắc. Người Nhật đã đề ra khẩu hiệu “*Seiyo o manabi, Seiyo ni oitsuky, Seiyo o oimuku*” (học hỏi Tây phương, bắt kịp Tây phương, đi vượt Tây phương) trong suốt quá trình thực hiện công cuộc duy tân.

Tháng 4/1868, Thiên hoàng công bố 5 điều thề (ngũ điều ngự thể văn) làm đường lối hoạt động căn bản của chính quyền mới:

1. Nghị hội phải được mở rộng rãi và quốc sự phải do công luận quyết định.
2. Trên dưới phải một lòng tích cực lo việc kinh luân.
3. Từ bách quan văn võ đến thường dân, mọi người phải được phép theo đuổi chí nguyện của mình để trong nước không còn mỗi bất mãn.
4. Phải phá bỏ mọi tập quán xấu xa và mọi việc phải dựa trên công đạo.

5. Phải thu thập tri thức trên thế giới để chấn hưng hoàng triều.

(Vĩnh Sinh, 2014)

Như vậy, trong điều thứ 5, chính quyền Minh Trị đã ghi rõ phương pháp canh tân Nhật Bản là tiếp thu tri thức trên thế giới. Theo đó, Nhật Bản đã chủ động học tập phương Tây về mọi mặt, bao gồm kinh tế, kỹ thuật, tư tưởng và văn hóa.

Tháng 11/1871, Nhật Bản cử phái đoàn do đại thần Iwakura Tomoni dẫn đầu đến viếng thăm Mĩ và các nước châu Âu. Mục đích ban đầu của chuyến đi nhằm thương lượng với các nước Âu – Mĩ để sửa đổi các điều khoản về đặc quyền ngoại giao và kinh tế mà Nhật Bản đã ký kết trước đó. Bên cạnh đó, thông qua chuyến đi, phái đoàn còn có nhiệm vụ tìm hiểu, học hỏi, nghiên cứu thể chế chính trị, hiến pháp của các nước phương Tây.

Phái đoàn do đại thần Iwakura Tomoni dẫn đầu gồm 48 thành viên. Mặc dù ý định thuyết phục các nước Âu – Mĩ sửa đổi những điều khoản trong các hiệp ước bất bình đẳng không thành công nhưng phái đoàn Nhật Bản đã có dịp quan sát tận mắt đời sống chính trị và sự phát triển công nghiệp của các nước. Sự thất bại trong việc thuyết phục với các nước Tây phương càng thúc đẩy mạnh mẽ quyết tâm của chính quyền Thiên hoàng trong việc phát triển đất nước, đưa Nhật Bản đến gần với văn minh phương Tây.

Trong phương thức tiếp nhận văn minh phương Tây, chính quyền Minh Trị thể hiện sự chủ động và tích cực đúng mức cần thiết. Nhật Bản không theo đuổi một mô hình kinh tế, chính trị, văn hóa của riêng bất kỳ quốc gia phương Tây nào. Nhật Bản chủ động tìm hiểu, chủ động lựa chọn những đặc thù ở các lĩnh vực cần thiết, quan trọng và phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của Nhật Bản lúc bấy giờ.

Để chấn hưng quân đội và tăng cường sức mạnh quân sự, Nhật Bản thực hiện cải cách quân đội. Mục tiêu phát triển toàn diện về hải quân, lục quân, công binh và hậu cần, chính quyền Minh Trị đã học tập cách tổ chức hải quân theo Royal Navy (hải quân Anh), lục quân theo mẫu hình lục quân Phổ (Prussia), hoạt động của các công xưởng và nhà máy theo mô hình công binh Pháp và phương thức tổ chức hệ cần từ hệ thống hậu cần Hoa Kỳ. Kèm theo đó, Nhật Bản cho mời các giảng viên quân sự nước ngoài về để giảng dạy và đưa các sinh viên sĩ quan đến một số nước như Anh, Pháp học tập.

Trong quá trình tiến hành công cuộc duy tân, chính quyền Minh Trị đặc biệt chú trọng phát triển giáo dục. Không chỉ cử các phái đoàn đến các nước phương Tây quan sát, học hỏi, Nhật Bản còn chủ động mời rất nhiều chuyên viên, giáo sư từ các nước phương Tây về giúp họ. Đa số các chuyên viên, giáo sư làm việc tại Nhật Bản lúc bấy giờ là người Anh, Pháp, Mỹ và Đức. Trong số các giáo sư nước ngoài làm cố vấn cho chính quyền Minh Trị, người được xem có ảnh hưởng lớn nhất là David Murray, giáo sư Đại học Rutgers, Hoa Kỳ. Tiến sĩ Murray làm cố vấn cho Thứ trưởng bộ Giáo dục Nhật Bản Tanaka Fujimaro. Ngoài ra còn có ông Marion Scott, người hỗ trợ cho giáo dục Nhật Bản phát triển về phương pháp sư phạm, chú trọng dùng vật mẫu và hình ảnh cụ thể khi giảng dạy.

Khi chủ động lựa chọn và học tập văn minh, khoa học kỹ thuật Tây phương, trình độ dân trí của Nhật Bản không ở mức thấp. Đầu thời kỳ Minh Trị, khi so sánh với các nước phương Tây, tỷ lệ người biết đọc, biết viết ở Nhật khá cao. Năm 1868, ước chừng ở Nhật có khoảng 43% đàn ông và 10% phụ nữ biết chữ. Trong khi đó, tại Anh năm 1837, cứ mỗi 4 hoặc 5 người mới có 1 người đi học (Vĩnh Sinh, 2014). Dưới thời Mạc phủ Tokugawa, giáo dục Nho học phát triển mạnh mẽ, đời sống văn hóa và tri thức trong xã hội Nhật Bản đa dạng, khởi sắc. Đầu thế kỷ XVIII, dựa trên sự tiếp xúc với người Hà Lan ở Nagasaki, nhiều học giả Nhật Bản bắt đầu học tiếng Hà Lan để tìm hiểu về nền khoa học Tây phương. Các nhóm học giả đã tiến hành dịch thuật nhiều sách khoa học của Hà Lan và lưu hành ở các thành phố lớn của Nhật Bản. Chính nhờ lực lượng này mà người dân Nhật Bản có cơ hội tiếp xúc sớm với văn minh phương Tây, nhận thức được nhu cầu tất yếu cần phải mở cửa giao thương với bên ngoài.

Sau khi phái đoàn của đại thần Iwakura trở về nước, chính quyền Minh Trị bắt đầu tuyển dụng các chuyên viên ngoại quốc về làm cố vấn các lĩnh vực. Ước tính từ khi Nhật Bản ký hòa ước giao thương với Tây phương cho đến năm 1890, có khoảng 3000 chuyên viên người nước ngoài đã được mời sang làm cố vấn cho Nhật Bản. Trong suốt thời kỳ Minh Trị (1868-1911), riêng trong ngành giáo dục đã có khoảng 170 giáo sư được mời sang giảng dạy tại Nhật Bản (chiếm 80% tổng số giáo sư được mời đến Nhật).

Tham khảo chế độ giáo dục của Pháp, chính quyền Minh Trị chia Nhật Bản làm các khu đại học, trung học và tiểu học. Chính quyền Minh Trị không áp dụng rập khuôn mô hình giáo dục ở các

nước phương Tây. Hơn 80% sách vở, tài liệu giảng dạy được biên soạn theo mẫu phương Tây, các nội dung của phương thức giáo dục khoa cử nhỏ học được thay thế bằng các phương pháp tiếp cận khoa học, kỹ thuật, thương mại Tây phương. Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn chủ trương giữ lại những nội dung thuộc về văn hóa truyền thống, xã hội Nhật Bản. Ở cấp tiểu học, phân đông học sinh vẫn theo học các trường tư hay trường dạy ở chùa (Terakoya).

Để làm cho Nhật Bản nhanh chóng phát triển, ngoài việc thuê các chuyên gia ngoại quốc, Nhật Bản cũng chú trọng việc gửi sinh viên đi du học ở các nước phương Tây. Năm 1873, Nhật Bản có khoảng 373 sinh viên du học ở nước ngoài, nhiều nhất là Hoa Kỳ và Anh. Tại Tokyo, chính quyền cho mở nhiều trường dạy tiếng Anh được gọi là “mọc lên như nấm”. Năm 1874, Nhật Bản có 91 trường dạy tiếng nước ngoài với tổng số sinh viên khoảng 13.000 người.

Từ một quốc gia phong kiến suy yếu, khủng hoảng đầu thời cận đại, công cuộc duy tân Minh Trị đã mang đến cho người Nhật một quốc gia độc lập – một đế quốc hùng mạnh của châu Á. Không chỉ thoát khỏi được nguy cơ xâm lược từ các nước thực dân phương Tây, Nhật Bản còn từng bước xóa bỏ các hiệp ước bất bình đẳng, giành lại quyền tự chủ ngoại giao và tiến hành chiến tranh, bành trướng thế lực ra bên ngoài. Sau công cuộc duy tân Minh Trị, Nhật Bản thay đổi toàn diện, sáu sắc. Cho đến nay, mặc dù trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm nhưng không thể phủ nhận những giá trị và thành tựu từ công cuộc duy tân Minh Trị đã mang đến cho kinh tế-xã hội Nhật Bản những thay đổi mang tính chất thời đại.

Công cuộc duy tân Minh Trị đã diễn ra cách đây hơn thế kỷ nhưng từ công cuộc đó, phương thức tiếp nhận văn minh bên ngoài của người Nhật vẫn chưa bao giờ là lỗi thời. Nét độc đáo trong phương thức tiếp nhận văn minh Phương Tây của Nhật Bản là mặc dù tiếp nhận các yếu tố khoa học, kỹ thuật, văn hóa phương Tây trên nhiều phương diện nhưng Nhật Bản vẫn giữ được nền tảng văn hóa – xã hội truyền thống của mình.

## 2.2 Những đề xuất nhằm cải thiện tình trạng văn hóa – giáo dục ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, kinh tế xã hội chưa hẳn suy yếu hay khủng hoảng trầm trọng. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng chúng ta đang “rối loạn” văn hóa. Các luồng văn hóa, tư tưởng bên ngoài du nhập vào Việt Nam rất nhiều nhưng chưa được định hình và phân hóa rõ ràng. Giới trẻ,

tăng lớp tiếp thu nhanh và nhiều nhất các luồng tư tưởng, văn hóa mới nhanh chóng du nhập và tiếp nhận nhiều loại hình văn hóa khác nhau mà không được định hướng các giá trị. Xã hội Nhật Bản thời hiện đại, kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật, quân sự, quốc phòng... hiện đại và phát triển không kém gì Âu - Mỹ nhưng văn hóa xã hội Nhật Bản vẫn lưu giữ nhiều giá trị truyền thống về vật chất lẫn tinh thần. Trong khi đó, ở Việt Nam, các giá trị văn hóa dân tộc hiện đang đan xen lẫn lộn với các giá trị văn hóa bên ngoài, bao gồm cả văn hóa Á - Âu - Mỹ).

Giáo dục văn hóa cho thế hệ trẻ bắt đầu từ gia đình, nhà trường sau đó là xã hội. Nhìn lại chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam hiện nay, định hướng các giá trị văn hóa-xã hội không tồn tại ở bất kỳ môn học nào. Các môn học mang ý nghĩa giáo dục về văn hóa, xã hội, đạo đức, nhân cách con người như lịch sử, giáo dục công dân, văn học, địa lý hiện đang được giảng dạy theo nội dung sách giáo khoa mang tính hình thức, bắt học thuộc lòng, ghi nhớ và trả bài. Khoảng mười năm trở lại đây, giáo dục phổ thông Việt Nam đề cao các môn khoa học tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển sinh đại học các ngành kinh tế - kỹ thuật - tài chính và nhu cầu việc làm của xã hội. Chính điều này đã làm nhà trường, giáo viên, hệ thống giáo dục chạy theo các môn học thiên về khoa học tự nhiên như toán, lý, hóa, sinh vì học sinh dễ chọn ngành nghề, việc làm sau khi tốt nghiệp phổ thông. Trong khoảng thời gian đó, các môn học thuộc về xã hội bị xem nhẹ. Những bài học thuộc về đạo đức, nhân văn, truyền thống dần bị lãng quên thay vào đó những bài thuyết giảng về thị trường việc làm và nhu cầu kinh tế. Hệ quả sau mười năm, không đơn thuần chỉ dừng lại ở việc các ngành khoa học xã hội nhân văn ở giáo dục đại học khan hiếm nhân tài mà hệ quả còn lan tràn khắp xã hội khi các giá trị đạo đức bị suy giảm, định hướng văn hóa của thanh thiếu niên bị lệch lạc và tệ nạn xã hội gia tăng.

Nhìn vào thế hệ trẻ hiện nay, không hiếm các bạn đam mê các giá trị văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ truyền thống của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, số lượng thanh thiếu niên am hiểu về lịch sử, văn hóa, xã hội truyền thống của dân tộc chiếm tỉ lệ không cao. Có thể thấy, tại Việt Nam hiện nay, thế hệ trẻ dễ dàng và nhanh chóng tiếp cận các luồng văn hóa Âu-Mỹ và các nước châu Á từ bên ngoài vào trong khi không mấy am hiểu về văn hóa và các giá trị truyền thống dân tộc. Tại sao thanh thiếu niên cuồng nhiệt và say mê với các trào lưu văn hóa Hàn Quốc, Âu - Mỹ mà không biết hoặc không thể giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa

truyền thống dân tộc? Câu trả lời là không có định hướng.

Nhìn lại lịch sử Nhật Bản những lần tiếp nhận văn hóa bên ngoài, bao gồm thời cổ đại tiếp nhận văn minh Trung Hoa, thời cận đại tiếp nhận văn minh phương Tây. Những lần xã hội Nhật Bản mở cửa giao lưu và tiếp nhận văn hóa bên ngoài đều trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hóa, văn minh ngoại lai trên cơ sở văn hóa - xã hội bản địa. Nhìn lại lịch sử Việt Nam, dưới thời Bắc thuộc, văn hóa Việt Nam tiếp cận văn minh Trung Hoa không tự nguyện, xã hội Việt Nam lúc bấy giờ tuy chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa nhưng vẫn giữ được những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Thời cận đại, Việt Nam từ chối tiếp nhận văn minh phương Tây. Lịch sử bị ràng buộc bởi những lý do chủ quan lẫn khách quan nhưng ở thời kỳ hiện đại, Việt Nam có nhiều cơ hội thuận lợi hơn để tiếp nhận văn hóa, văn minh từ bên ngoài, tạo tiền đề phát triển kinh tế, xã hội đất nước, thay đổi bộ mặt quốc gia. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng kinh tế Việt Nam hiện nay vẫn nằm trong nhóm các nền kinh tế đang phát triển, văn hóa Việt Nam hiện nay không có giá trị mẫu hình, đạo đức xã hội suy thoái.

Từ bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, chúng ta nhìn lại công cuộc duy tân Minh Trị, tính hệ thống và hiệu quả của quá trình cải cách toàn bộ nền kinh tế - văn hóa - xã hội Nhật Bản thời cận đại, có thể rút ra những bài học giá trị cho quá trình phát triển văn hóa - xã hội của Việt Nam.

*Thứ nhất*, Việt Nam nên thay đổi phương thức tiếp nhận văn minh bên ngoài, tiếp nhận có chọn lọc kết hợp gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa-xã hội truyền thống. Bài học đắt giá nhất từ công cuộc duy tân Minh Trị là *muốn đổi mới và phát triển không còn cách nào khác là phải học hỏi những nền văn hóa, văn minh phát triển hơn*. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Singapore, Việt Nam hiện nay đã phát triển chậm hơn vài chục năm. Các nước mà trước đây nền kinh tế luôn xếp sau Việt Nam như Lào, Campuchia hiện nay cũng đã có dấu hiệu khởi sắc. Campuchia vài năm trở lại đây một số lĩnh vực kinh tế đã vượt xa Việt Nam. Thực trạng đó đòi hỏi Việt Nam phải nhanh chóng thay đổi phương thức đổi mới, tiếp cận với những giá trị khoa học kỹ thuật, kinh tế văn hóa từ bên ngoài vào. Lịch sử đã chứng minh, trong khi phần lớn các quốc gia châu Á từ chối tiếp nhận văn minh phương Tây, nền văn minh được đánh giá vượt bậc hơn họ về sức mạnh kinh tế lẫn quân sự do lo sợ nguy cơ bị mất nước

thì Nhật Bản đã chủ động học hỏi, tiếp nhận và phát triển, không những tránh được nguy cơ mất nước mà còn có thể trở thành cường quốc. Với Việt Nam hiện nay, chúng ta cần một chính sách nhất quán về phương thức tiếp nhận những thành tựu khoa học kỹ thuật từ các nước tiên tiến trên thế giới, thực hiện đồng bộ ở tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, quân sự lẫn văn hóa, xã hội nhằm tạo sự phát triển có hệ thống và rộng khắp cả nước. Qua 30 năm đổi mới, Việt Nam thực hiện cơ chế mở cửa quan hệ với nhiều quốc gia, tổ chức khu vực và thế giới, tạo điều kiện tiếp nhận văn minh bên ngoài nhằm thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, quá trình này không được thực hiện đồng bộ, rời rạc, thiếu liên kết và thống nhất giữa các lĩnh vực, ngành nghề nên không tạo được sức bật cho toàn bộ nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách mở cửa, tiếp nhận văn minh bên ngoài cần gắn liền với việc gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nếu chúng ta chỉ chủ động tiếp nhận mà không có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đến một lúc nào đó chúng ta có thể đánh mất nền văn hóa bản địa của mình.

*Thứ hai*, thay đổi bản chất của nền giáo dục, bao gồm nội dung và hình thức. Để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, không đơn thuần làm vài khâu hiệu, băng rôn, các cuộc vận động, các chiến dịch hô hào bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc. Muốn gìn giữ bản sắc văn hóa lâu dài, bền vững, Việt Nam phải thực hiện thông qua việc giáo dục thế hệ trẻ, bắt đầu từ giáo dục. Bên cạnh việc học hỏi những thành tựu văn hóa Tây phương, trong quá trình canh tân đất nước Nhật Bản vẫn giữ lại những nét văn hóa truyền thống về đạo đức, lối sống, phong tục tập quán dân tộc trong chương trình giáo dục các cấp bậc. Khoảng 80% giáo trình của Nhật Bản lúc bấy giờ được biên soạn theo mẫu giáo trình Tây phương, 80% nội dung là tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa Tây phương. Trong cuốn *Gakumon no susume* (Khuyến học), Fukuzawa khẳng định: “mọi người sinh ra đều bình đẳng, sự khác biệt nảy sinh chỉ vì khác nhau về trình độ học vấn” (Fukuzawa Yukuchi, 2014). Ông cho rằng nền giáo dục Không giáo tâm chương trích cũ đã quá lỗi thời, Nhật Bản cần xây dựng một nền giáo dục thực học (*jitsugaku*) gắn liền với đời sống hằng ngày, dựa trên tinh thần khoa học độc lập và óc phê phán. Có thể thấy, giáo dục Việt Nam hiện nay, kể cả giáo dục phổ thông lẫn giáo dục chuyên nghiệp vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của lối học “*tâm chương trích cú*” vốn đã lỗi thời và lạc hậu, đặc biệt là những môn thuộc về

khoa học xã hội và các ngành xã hội nhân văn. Bên cạnh đó, nhiều ngành đào tạo thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật vẫn chưa gắn liền với thực tế đời sống, sản xuất và nhu cầu phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật của đất nước. Nên chăng, giáo dục Việt Nam cần có sự thay đổi toàn diện, hệ thống từ nội dung đến hình thức giáo dục. Việt Nam có thể thay đổi từ 70-80% nội dung chương trình giáo dục trên cơ sở cập nhật tri thức khoa học từ bên ngoài, các nước châu Á (Nhật Bản, Singapore, Thái Lan...), các nước phương Tây (Anh, Pháp, Mỹ...), kết hợp với các hình thức giảng dạy sáng tạo và cụ thể, tư duy gắn liền với thực tế. Ngoài ra, chương trình đào tạo cần xây dựng trên nền tảng văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh thế giới chứ không áp dụng rập khuôn, máy móc toàn bộ văn hóa bên ngoài vào xã hội Việt Nam.

*Thứ ba*, chú trọng phát triển con người, con người Việt Nam hiện đại, nhân văn và tiến bộ bằng cách định hướng các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Để phát triển con người, nội dung giáo dục các môn khoa học xã hội và ngành khoa học xã hội nhân văn cần được quan tâm hàng đầu. Chính lối học “*tâm chương trích cú*” đã làm cho khoa học xã hội nhân văn trở nên xa rời thực tế, thiếu sự sáng tạo và tư duy, không áp dụng được vào cuộc sống. Đây là điều cực kỳ nguy hiểm đối với nền văn hóa dân tộc và tình hình xã hội đất nước. Theo PGS. TS. Đoàn Lê Giang: “*Đào tạo KHXH&NV của chúng ta hiện nay là kém nhất trong lịch sử: thua giáo dục thời phong kiến, thời thực dân Pháp, thua miền Bắc và miền Nam trước 1975*” (Đoàn Lê Giang, 2010). Ông cho rằng: “*Khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) liên quan mật thiết đến lĩnh vực chính trị xã hội, đạo đức nhân cách, tư tưởng, văn hóa của dân tộc cho nên đây là một lĩnh vực rất quan trọng. Chúng ta đều biết, những sai lầm về kinh tế, kỹ thuật để lại hậu quả lớn, nhưng vẫn có thể khắc phục được trong một thời gian nhất định, không quá dài. Thế nhưng những sai lầm thuộc về lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, giáo dục... tức là KHXH&NV sẽ để lại hậu quả vô cùng nghiêm trọng và lâu dài, có khi mất đến hàng mấy chục, hàng trăm năm mới khắc phục được*” (Đoàn Lê Giang, 2010). Nếu thế hệ trẻ có định hướng văn hóa tốt, họ sẽ biết lựa chọn những giá trị văn hóa tích cực để theo đuổi và thực hiện, hạn chế được tình trạng “hỗn loạn” về mặt văn hóa và suy thoái đạo đức trong xã hội Việt Nam hiện nay.

*Thứ tư*, chính sách đào tạo, phát triển, sử dụng và giữ nguồn nhân lực. Trong suốt quá trình canh tân đất nước, chính quyền Minh Trị không chỉ cử

giáo viên, gửi học sinh, sinh viên đi du học ở các nước phương Tây mà còn đặc biệt mời những chuyên viên, giáo sư từ các nước về làm cố vấn ở hầu hết các lĩnh vực. Chính quyền Minh Trị dành rất nhiều ưu đãi về lương bổng, chính sách xã hội, kinh tế... tạo những điều kiện tốt nhất để các chuyên viên an tâm làm việc, đóng góp công sức cho sự phát triển của Nhật Bản. Về chính sách nhân lực, có thể nói cho tới hiện nay Việt Nam vẫn chưa thể làm hiệu quả được như Nhật Bản thời duy tân Minh Trị. Việt Nam đã thực hiện rất nhiều chương trình trao đổi du học sinh với các nước, học bổng chính phủ cho học sinh, sinh viên xuất sắc, học bổng cho giáo viên, giảng viên các ngành đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài nhưng hiệu quả mang lại không cao. Rất nhiều người đi du học xong không trở về, trong số những người trở về có rất nhiều người lại ra đi. Vấn đề không nằm ở chỗ Việt Nam đã đào tạo được bao nhiêu nhân tài mà còn ở chỗ chúng ta có giữ nhân lực sau khi đào tạo hay không. Việc mời những chuyên gia đào tạo từ nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam cũng đã được thực hiện tuy nhiên chúng ta đã chưa tạo được điều kiện làm việc, môi trường tốt nhất để họ có thể yên tâm công tác và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam. Để có thể thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Việt Nam cần tính toán các phương án hiệu quả hơn trong việc đào tạo, phát triển, sử dụng và giữ nguồn nhân lực cho đất nước.

### 3 KẾT LUẬN

Theo quan niệm của Fukuzawa: *“việc tiếp thu văn minh phương Tây không phải là cứu cánh mà bất quá chỉ là một phương tiện”* (Vĩnh Sính, 2014). Lịch sử đã chứng minh Nhật Bản đã sử dụng một cách hiệu quả *“phương tiện”* văn minh phương Tây để thực hiện công cuộc canh tân đất nước thành công, giúp Nhật Bản giữ được độc lập dân tộc và trở nên giàu mạnh. Việt Nam thời cận đại đã một lần khép cửa từ chối tiếp nhận văn minh bên ngoài, Việt Nam ngày nay đang đứng trước nhiều thử thách về kinh tế, văn hóa, xã hội đồng thời chúng ta cũng có nhiều cơ hội mở để xây dựng và phát triển đất nước. Trong rất nhiều sự lựa chọn khác nhau để phát triển đất nước, chúng ta có thể lựa

chọn phương thức tiếp nhận có chọn lọc văn minh từ bên ngoài mà Nhật Bản đã thực hiện cách đây hàng thế kỷ. Một phương thức chưa bao giờ lỗi thời và hiệu quả của nó được chứng minh bằng thực tế một đất nước Nhật Bản giàu mạnh và văn minh.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Trinh Nhất, 2015. Nhật Bản duy tân 30 năm. Nxb Thế giới. Hà Nội, 409 trang.
- Đoàn Lê Giang, 2010. Báo động đỏ về đào tạo khoa học xã hội nhân văn, truy cập ngày 22/11/2015.  
<http://honvietquochoc.com.vn/bai-viet/549-bao-dong-do-ve-dao-tao-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van.aspx>
- Edwin O. Reischauer, 1994. Nhật Bản – quá khứ và hiện tại (bản dịch của Nguyễn Nghị, Trần Thị Bích Ngọc). Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội, 383 trang.
- Fukuzawa Yukuchi, 2014. Khuyến học (bản dịch của Phạm Hữu Lợi). Nxb Thế giới. Hà Nội, 244 trang.
- Lưu Ngọc Trinh, 1996. Chiến lược con người trong thần kỳ kinh tế Nhật Bản. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 175 trang.
- Nguyễn Tiến Lực (biên soạn), 2014. 40 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: thành quả và triển vọng. Kỳ yếu Hội thảo Khoa học. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. 308 trang.
- Nigel Holloway và Phillip Bowring, 1992. Chân dung nước Nhật ở châu Á. Nxb Thông tin Lý luận. Hà Nội, 324 trang.
- Văn Tạo, 2006. Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam. Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội, 394 trang.
- Vĩnh Sính, 2014. Nhật Bản cận đại. Nxb Lao động. Hà Nội, 323 trang.
- Vũ Dương Ninh (chủ biên), 2007. Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 403 trang.